

Số: **9 5 6 9** /BCT-TTTN

V/v điều hành kinh doanh xăng dầu

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Thông tư số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Tài chính - Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 90/2016/TTLT-BTC-BCT);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Công văn số 4098/VPCP-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về điều hành kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 1072/BTC-QLG ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về điều hành kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 12512/BTC-QLG ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính về chi phí về thuế nhập khẩu bình quân trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài chính số 3910/BTC-QLG ngày 04 tháng 4 năm 2018 về công bố giá cơ sở xăng RON95, số 367/BTC-QLG ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tính giá cơ sở xăng RON95, số 404/BTC-QLG ngày 17 tháng 4 năm 2018 về công bố giá cơ sở mặt hàng xăng RON95;

Căn cứ Công văn số 1134/VPCP-KTTH ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về công bố giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 10368/BTC-QLG ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam trong giá cơ sở xăng dầu;



Căn cứ Công văn số 2788/BTC-QLG ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc mức chi phí tối đa đưa dầu FO 180CST 3,5S từ nước ngoài về Việt Nam trong giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 7779/BTC-QLG ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh chi phí kinh doanh định mức, chi phí định mức đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam trong giá cơ sở xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 1391/BTC-QLG ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính tham gia ý kiến về phương án điều hành kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Công văn số 3431/VPCP-KTTH ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc điều hành giá xăng dầu;

Căn cứ thực tế diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2020 đến hết ngày 10 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC, Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

| Mặt hàng | Giá cơ sở kỳ trước liên kê, ngày ¹ 26/11/2020 (đồng/lít,kg) | Giá cơ sở kỳ công bố ² (đồng/lít,kg) | Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liên kê | |
|--------------------------|--|--|---|-------------------|
| | | | (đồng/lít,kg) | (%) |
| | | | (3)=(2)-(1) | (4)=[(3):(1)]x100 |
| 1. Xăng E5RON92 | 15.494 | 16.129 | +635 | +4,10 |
| 2. Xăng RON95-III | 15.551 | 16.207 | +656 | +4,22 |
| 3. Dầu điêzen 0.05S | 11.734 | 12.192 | +458 | +3,91 |
| 4. Dầu hỏa | 10.438 | 11.177 | +739 | +7,08 |
| 5. Dầu Madút 180CST 3.5S | 11.942 | 12.142 | +200 | +1,68 |

Trước những diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1.1. Trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Xăng E5RON92: 0 đồng/lít;
- Xăng RON95: 100 đồng/lít;
- Dầu điêzen: 0 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 0 đồng/lít;
- Dầu madút: 0 đồng/kg.

¹ Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu là 0 đồng/lít xăng E5, 100 đồng/lít xăng RON95, 100 đồng/lít dầu điêzen, 0 đồng/lít dầu hỏa, 0 đồng/kg dầu madút.

² Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu là 0 đồng/lít xăng E5, 100 đồng/lít xăng RON95, 0 đồng/lít dầu điêzen, 0 đồng/lít dầu hỏa, 0 đồng/kg dầu madút.

1.2. Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Xăng E5RON92: 1.000 đồng/lít;
- Xăng RON95: 200 đồng/lít;
- Dầu diesel: 300 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 400 đồng/lít;
- Dầu madút: 200 đồng/kg.

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện việc trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng E5RON92: không cao hơn 15.129 đồng/lít;
- Xăng RON95-III: không cao hơn 16.007 đồng/lít;
- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn 11.892 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn 10.777 đồng/lít;
- Dầu madút 180CST 3.5S: không cao hơn 11.942 đồng/kg.

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 16 giờ 00 ngày 11 tháng 12 năm 2020.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không sớm hơn 16 giờ 00 ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với các mặt hàng xăng dầu.

- Kể từ 16 giờ 00 ngày 11 tháng 12 năm 2020, là thời điểm Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC, Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BCT.

Bộ Công Thương thông báo các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Tổng cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Thương nhân phân phối xăng dầu (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTTN.

TL BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHỤ VỤ TRƯỞNG



Hoàng Anh Tuấn

Giá thành phẩm xăng dầu thế giới 15 ngày*
(26/11/2020 - 10/12/2020)

| TT | Ngày | X92 | X95-II | Dầu hoả | Do0,05 | FO 3,5S | VCB mua CK | VCB bán |
|----|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|------------------|------------------|
| 15 | 26/11/20 | 49.520 | 50.730 | 50.270 | 51.600 | 297.840 | 23,090.00 | 23,260.00 |
| 14 | 27/11/20 | 49.750 | 50.960 | 50.150 | 51.270 | 295.020 | 23,090.00 | 23,260.00 |
| 13 | 28/11/20 | | | | | | | |
| 12 | 29/11/20 | | | | | | | |
| 11 | 30/11/20 | 49.110 | 50.250 | 50.220 | 51.300 | 292.930 | 23,070.00 | 23,230.00 |
| 10 | 1/12/20 | 49.380 | 50.660 | 50.840 | 51.710 | 289.760 | 23,070.00 | 23,230.00 |
| 9 | 2/12/20 | 48.750 | 49.750 | 50.080 | 50.780 | 286.370 | 23,070.00 | 23,230.00 |
| 8 | 3/12/20 | 49.560 | 50.480 | 51.330 | 51.980 | 296.580 | 23,070.00 | 23,230.00 |
| 7 | 4/12/20 | 51.250 | 52.370 | 53.330 | 53.540 | 297.230 | 23,070.00 | 23,220.00 |
| 6 | 5/12/20 | | | | | | | |
| 5 | 6/12/20 | | | | | | | |
| 4 | 7/12/20 | 50.160 | 50.860 | 52.330 | 52.370 | 290.850 | 23,050.00 | 23,220.00 |
| 3 | 8/12/20 | 50.020 | 51.130 | 52.500 | 53.020 | 289.230 | 23,050.00 | 23,220.00 |
| 2 | 9/12/20 | 51.390 | 52.170 | 53.220 | 54.090 | 295.630 | 23,050.00 | 23,220.00 |
| 1 | 10/12/20 | 51.320 | 52.100 | 52.120 | 53.230 | 292.980 | 23,050.00 | 23,220.00 |
| | +/- ngày | 0.07 | 0.07 | 1.10 | 0.86 | 2.65 | - | - |
| | Bquân | 50.019 | 51.042 | 51.490 | 52.263 | 293.129 | 23,066.36 | 23,230.91 |

* Giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày (MOP's: Mean of Platt of Singapore) được công bố bởi Hãng tin Platt's (Platt Singapore).

** Xăng RON92 là xăng nền để pha chế xăng E5RON92.